

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON 6
Số: 12/QĐ-MN6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Bình, ngày 19 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của
Trường Mầm Non 6

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ thông báo số 123/TB-TCKH ngày 04 tháng 05 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình về thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của trường Mầm non 6.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu số liệu xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của trường Mầm Non 6 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH Q.TB;
- Lưu :VT, KT

HIỆU TRƯỞNG

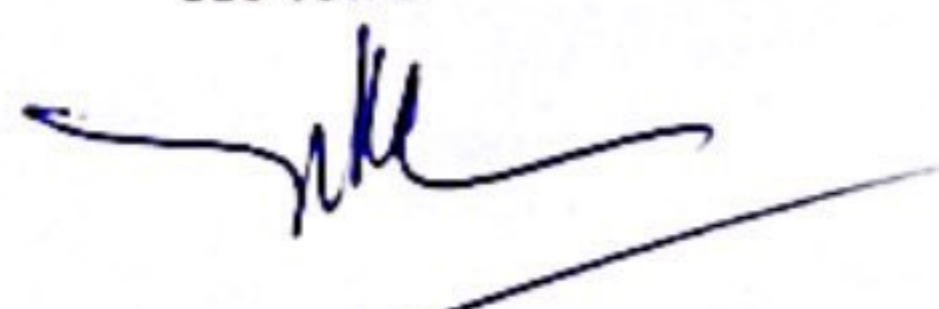
Lương Ngọc Minh

Tân Bình, ngày 19 tháng 05 năm 2023

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
 QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

I. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 13)	3.493.356.000	đồng
- Lương theo ngạch bậc QL được duyệt	1.243.941.311	đồng
- Tiền công trả cho LĐTX theo hợp đồng	121.812.722	đồng
- Phụ cấp chức vụ	57.885.257	đồng
- Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	21.612.482	đồng
- Phụ cấp ưu đãi nghề	449.517.988	đồng
- Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	1.745.000	đồng
- Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	227.779.860	đồng
- Thưởng thường xuyên	12.570.000	đồng
- Bảo hiểm xã hội	286.037.371	đồng
- Bảo hiểm y tế	40.483.168	đồng
- Kinh phí công đoàn	32.692.382	đồng
- Bảo hiểm thất nghiệp	13.494.389	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	227.239.028	đồng
- Chi khác	57.000.000	đồng
- Tiền điện	27.582.758	đồng
- Tiền nước	34.320.702	đồng
- Tiền vệ sinh, môi trường	1.956.000	đồng
- Văn phòng phẩm	11.480.000	đồng
- Vật tư văn phòng khác	26.734.000	đồng
- Cước phí điện thoại trong nước	1.077.312	đồng
- Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	2.670.000	đồng
- Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	1.216.000	đồng
- Khoán công tác phí	2.500.000	đồng
- Thuê lao động trong nước	222.900.000	đồng
- Thuê đào tạo lại cán bộ	16.600.000	đồng
- Tài sản và thiết bị chuyên dùng	1.265.000	đồng
- Các thiết bị công nghệ thông tin	39.285.998	đồng
- Đường điện, cấp thoát nước	9.830.031	đồng
- Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	15.367.000	đồng
- Chi khác	30.369.888	đồng
- Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	1.980.000	đồng
- Chi lập Quỹ bổ sung ổn định thu nhập dự phòng	43.699.813	đồng
- Chi lập Quỹ phúc lợi	78.659.664	đồng
- Chi lập Quỹ khen thưởng	43.699.813	đồng
- Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	43.699.813	đồng
- Chi hỗ trợ khác	42.651.250	đồng
II. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12)	1.358.403.146	đồng
- Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	157.698.699	đồng
- Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	626.876.329	đồng
- Nhà cửa	570.928.054	đồng
- Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	800.064	đồng
- Chi khám sức khỏe (Mã 139)	2.100.000	đồng
III. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14)	1.437.121.076	đồng
- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 04/2022	1.437.121.076	đồng
IV. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 15)	85.440.000	đồng
- Cấp bù hỗ trợ học phí HKII năm học 2021-2022	85.440.000	đồng

Kế toán


 Nguyễn Thanh Hà

Hiệu trưởng



Lương Ngọc Minh

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON 6

Chương:622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-MN6 ngày 19/05/2023 của trường Mầm non 6)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.374,320	6.374,320	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.374,320	6.374,320	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.533,076	4.533,076	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.841,244	1.841,244	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



Tân Bình, ngày 19 tháng 05 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Lương Ngọc Minh